112-1四技新南向時尚二真Thiết kế tạo mẫu tóc năm 2 lớp Chân

	一	二	三	四	五
第 1 節 0820-0910					企業實務實習(二) 萬文彬 Thực tập
第 2 節 0920-1010	藝術指甲(二) 陳芳慈 圖903(美甲) Nghệ thuật làm móng				企業實務實習(二) 萬文彬 Thực tập
第 3 節 1020-1110	藝術指甲(二) 陳芳慈 圖903(美甲) Nghệ thuật làm móng			生活華語(三) 蔡琳堂 圖405 Tiếng trung đời sống	企業實務實習(二) 萬文彬 Thực tập
第 4 節 1120-1210	藝術指甲(二) 陳芳慈 圖903(美甲) Nghệ thuật làm móng			生活華語(三) 蔡琳堂 圖405 Tiếng trung đời sống	企業實務實習(二) 萬文彬 Thực tập
第 5 節 1300-1350	商業髮型設計(二) 李佳蓉 圖913(彩妝) Tạo mẫu tóc			職場華語(三) 洪文郎 圖405 Tiếng trung nơi làm việc	企業實務實習(二) 萬文彬 Thực tập
第 6 節 1400-1450	商業髮型設計(二) 李佳蓉 圖913(彩妝) Tạo mẫu tóc			職場華語(三) 洪文郎 圖405 Tiếng trung nơi làm việc	企業實務實習(二) 萬文彬 Thực tập
第 7 節 1500-1550	商業髮型設計(二) 李佳蓉 圖913(彩妝) Tạo mẫu tóc			進階華語(三) 洪文郎 圖405 Tiếng trung nâng cao	
第 8 節 1600-1650				進階華語(三) 洪文郎 圖405 Tiếng trung nâng cao	